

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 364/TTr-SXD ngày 24/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, cá nhân, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.

được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Mức giá thu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%): Theo phụ lục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Khoản tiền thu được từ giá dịch vụ được tính vào doanh thu của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải, đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Căn cứ số thu thực tế từ dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị được lựa chọn cung cấp dịch vụ thực hiện bù trừ với tổng kinh phí theo hợp đồng và khối lượng nghiệm thu thực tế để xác định phần kinh phí ngân sách nhà nước cân đối.

2. Giao Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Cục thuế tỉnh tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thực hiện thu và quản lý, sử dụng nguồn thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn trong việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

b) Tổ chức lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải để thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn theo quy định hiện hành của nhà nước;

c) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải đầy đủ.

4. Đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải

a) Niêm yết, công khai nội dung thu, mức thu, thực hiện thu nhưng không vượt mức giá tối đa quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này; đăng ký, kê khai và thực hiện các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo quy định;

b) Tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các địa bàn được giao thực hiện;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, hàng quý gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Sở Tài chính để theo dõi, kiểm tra.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, *Uatv*

Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2017./. *ttv*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Đạt). 35bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải

www.LuatVietnam.vn



PHỤ LỤC
GIÁ TỐI ĐA ĐỐI VỚI DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI
SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh)

Handwritten signature

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
I	Tại thành phố Sơn La		
1	Đối với cá nhân, hộ gia đình không kinh doanh	Tháng	12.000
2	Đối với hộ sản xuất kinh doanh thuê địa điểm tại các chợ		
2.1	Chợ hạng I	Quầy/tháng	35.000
2.2	Chợ hạng II	Quầy/tháng	30.000
2.3	Chợ hạng III	Quầy/tháng	25.000
2.4	Tại các chợ khác	Quầy/tháng	15.000
3	Đối với cơ quan hành chính - sự nghiệp, trường học, tổ chức chính trị xã hội, trụ sở các công ty, doanh nghiệp	Tháng	4.000 đồng/ người
4	Nhà máy sản xuất, cơ sở sản xuất; công trình xây dựng	Tháng	4.000 đồng/ công nhân
5	Khách sạn, Nhà nghỉ	Tháng	4.000 đồng/ giường
6	Nhà hàng	Tháng	200.000
7	Bệnh viện đa khoa; các bệnh viện khác; cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân	Tháng	2.000 đồng/ giường
8	Hộ kinh doanh ăn uống		
8.1	Hộ kinh doanh bán phở, bún, bánh cuốn	Đồng/tháng	100.000
8.2	Hộ kinh doanh bia, nước giải khát	Đồng/tháng	80.000
8.3	Hộ kinh doanh ăn uống khác	Đồng/tháng	80.000
9	Hộ kinh doanh thực phẩm tươi sống	Tháng	60.000
10	Hộ kinh doanh hoa quả	Tháng	60.000
11	Hộ kinh doanh rửa xe ô tô, xe máy	Tháng	120.000
12	Hộ giết mổ đại gia súc (trâu, bò...)	Tháng	150.000
13	Hộ kinh doanh giết mổ gia súc (lợn, dê, chó...)	Tháng	120.000

14	Hộ kinh doanh giết mổ gia cầm	Tháng	50.000
15	Hộ kinh doanh các ngành khác	Tháng	30.000
II	Tại các huyện trong tỉnh		
1	Đối với cá nhân, hộ gia đình không kinh doanh	Tháng	10.000
2	Đối với hộ sản xuất kinh doanh thuê địa điểm tại các chợ		
2.1	Chợ hạng I	Quầy/tháng	30.000
2.2	Chợ hạng II	Quầy/tháng	25.000
2.3	Chợ hạng III	Quầy/tháng	20.000
2.4	Tại các chợ khác	Quầy/tháng	10.000
3	Đối với cơ quan hành chính - sự nghiệp, trường học, tổ chức chính trị xã hội, trụ sở các công ty, doanh nghiệp	Tháng	3.000 đồng/ người
4	Nhà máy sản xuất, cơ sở sản xuất; công trình xây dựng	Tháng	3.000 đồng/ công nhân
5	Khách sạn, Nhà nghỉ	Tháng	3.000 đồng/ giường
6	Nhà hàng	Tháng	170.000
7	Bệnh viện đa khoa; các bệnh viện khác; cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân	Đồng/m ³ rác thải	2.000 đồng/ giường
8	Hộ kinh doanh ăn uống		
8.1	Hộ kinh doanh ½ ngày	Tháng	30.000
8.2	Hộ kinh doanh cả ngày đêm	Tháng	60.000
9	Hộ kinh doanh thực phẩm tươi sống	Tháng	40.000
10	Hộ kinh doanh hoa quả	Tháng	40.000
11	Hộ kinh doanh rửa xe ô tô, xe máy	Tháng	100.000
12	Hộ giết mổ đại gia súc (trâu, bò...)	Tháng	120.000
13	Hộ kinh doanh giết mổ gia súc (lợn, dê, chó...)	Tháng	80.000
14	Hộ kinh doanh giết mổ gia cầm	Tháng	50.000
15	Hộ kinh doanh các ngành khác	Tháng	20.000